

Số: 178^a/BC-MNNH

Nà Hỳ, ngày 29 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC: 2025-2026**

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Nà Hỳ

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Nà Hỳ 2, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên.
- Điện thoại:
- Trang thông tin điện tử: <http://mnnahy.nampo.edu.vn>.

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Nà Hỳ

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

a. Sứ mệnh:

Nhà trường tồn tại để mang đến cho trẻ em cơ hội phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội; chuẩn bị cho trẻ nền tảng vững chắc khi bước vào tiểu học; đồng thời là điểm tựa tin cậy của phụ huynh và cộng đồng.

b. Tầm nhìn:

Xây dựng Trường Mầm non Nà Hỳ trở thành cơ sở giáo dục mầm non chất lượng cao của địa phương, nơi trẻ em được chăm sóc - giáo dục trong môi trường an toàn, hạnh phúc, sáng tạo, phát triển toàn diện và bình đẳng.

c. Mục tiêu giáo dục:

- Trẻ phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội.
- Trẻ tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân.
- Trẻ hình thành tính tự kỷ luật cho bản thân.

- Trẻ biết cách tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh.
- Trẻ phát triển khả năng làm việc nhóm, biết cách hợp tác, chia sẻ cùng hướng tới thành công.
- Trẻ học được cách nuôi dưỡng các mối quan hệ và thúc đẩy tình yêu thương, sự tin tưởng lẫn nhau.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường mầm non Nà Hỳ được chia tách thành lập theo Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 UBND huyện Mường Nhé. Trường Mầm non Nà Hỳ đóng chân trên địa bàn xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhà trường phụ trách 6 bản với 8 điểm trường gồm 6 dân tộc anh em (Thái, Mông, Kinh, Mường, Dao và các dân tộc khác); với tổng diện tích đất toàn trường là 18.573m². Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số chiếm 92,3%. Người dân chủ yếu sống bằng nghề thuần nông, làm nương rẫy quanh năm nên đời sống của nhân dân còn thiếu thốn về mọi mặt, trình độ dân trí không đồng đều.

Trong suốt thời gian qua đến nay trường mầm non Nà Hỳ, luôn luôn đi đầu trong các hoạt động và phong trào, luôn đạt được các thành tích cao qua các năm học.

Năm học 2024-2025 Trường Mầm non Nà Hỳ đã từng bước khẳng định được vị thế trong sự nghiệp giáo dục địa phương và duy đạt trường Mầm non chuẩn Quốc gia mức độ I, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, dự kiến thẩm định lại vào năm học 2029-2030.

Hàng năm, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm động viên của cấp ủy chính quyền và lãnh đạo Huyện ủy - Hội đồng nhân dân- UBND huyện đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo và chuyên môn phòng GD&ĐT huyện (cũ). Năm học 2025-2026 bắt đầu chính quyền 2 cấp, nhà trường nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy-HĐND-UBND cấp xã, đặc biệt là phòng văn hóa xã hội cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu của tập thể đội ngũ giáo viên, các bậc phụ huynh học sinh đã giúp đỡ nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

Họ và tên: Tạ Thị Sáu

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Nà Hỳ, bản Nà Hỳ 2, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0982898191

Địa chỉ gmail: hongsau104@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường: QĐ số 574/QĐ-UBND, ngày 20/8/2004 của UBND huyện Mường Nhé.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường: QĐ số 1273/QĐ-UBND, ngày 15/9/2021 của UBND huyện Nậm Pồ về việc thành lập Hội đồng trường các trường mầm non nhiệm kỳ 2021-2026; QĐ số 1678/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022 của UBND huyện Nậm Pồ về việc kiện toàn hội đồng trường các trường mầm non nhiệm kỳ 2021-2026 và QĐ số 2208/QĐ-UBND, ngày 08/11/2023 của UBND huyện Nậm Pồ về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường các trường mầm non, nhiệm kỳ 2021-2026; QĐ số 4538/QĐ-UBND, ngày 24/10/2024 của UBND huyện Nậm Pồ về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường các trường mầm non, nhiệm kỳ 2021-2026;

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Tạ Thị Sáu	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Phạm Thu Trang	P. Hiệu trưởng	Thành viên
3	Hà Thị Thùy Linh	P. Hiệu trưởng	Thành viên
4	Bùi Thị Bích Thuận	Tổ trưởng chuyên môn Nhà trẻ	Thành viên
5	Bùi Thị Hà	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
6	Trịnh Thị Ngát	Trưởng ban TTND, TPCM	Thành viên
7	Phạm Thị Anh	TTCM Mẫu giáo bé	Thành viên
8	Lò Thị Nhật Lệ	TTCM Mẫu giáo ghép	Thành viên
9	Lường Thị May	TTCM MG lớn	Thành viên
10	Vì Thị Xinh	Bí thư chi đoàn	Thành viên
11	Nguyễn Xuân Quảng	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên
12	Phạm Thị Xoan	Tổ trưởng CM MGN	Thư kí
13	Lèng Văn Vón	Đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: QĐ số: 895/QĐ-UBND, ngày 21/05/2023 của UBND huyện Nậm Pồ về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1: QĐ số: 90/QĐ-UBND, ngày 24/07/2025 của UBND xã Nà Hỳ về việc Bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2: QĐ số: 78/QĐ-UBND, ngày 24/7/2025 của UBND xã Nà Hỳ về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Giảng dạy, chăm sóc, giáo dục trẻ Mầm non theo quy chuẩn của Bộ GD&ĐT.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy:

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 26 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ 01 Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Quyết định số Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 UBND huyện Mường Nhé, về việc thành lập trường Mầm non Nà Hỳ.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Tạ Thị Sáu	Hiệu trưởng	0982898191	hongsau104@gmail.com
2	Phạm Thu Trang	Phó hiệu trưởng	0915552454	phamtrangmnnahy2022g@gmail.com
3	Hà Thị Thùy Linh	Phó hiệu trưởng	0976191337	hathuylinh.mc87@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường:

- Quy chế dân chủ:

- Các nghị quyết của Hội đồng trường:

- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự:

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục:

- Các quy chế khác:

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 49 CBQL, GV, NV, trong đó:

- Vị trí việc làm Hiệu trưởng: 01 người (01 Đại học)
- Vị trí việc làm Phó Hiệu trưởng: 02 người (02 đại học)
- Vị trí việc làm Giáo viên Mầm non hạng I: 0 người
- Vị trí việc làm Giáo viên Mầm non hạng II: 25 người (25 đại học)
- Vị trí việc làm Giáo viên Mầm non hạng III: 15 người (13 ĐH, 02 cao đẳng)
- Vị trí việc làm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật: 0
- Vị trí việc làm Kế toán: 01 người
- Vị trí việc làm Văn thư : 01 người (Đại học)
- Vị trí việc làm Thủ quỹ: 0 người
- Vị trí việc làm Thư viện: 0 người
- Vị trí việc làm Y tế học đường: 01 người (01 trung cấp)
- Vị trí việc làm Nhân viên Bảo vệ: 01 người
- Vị trí việc làm Nhân viên Nấu ăn: 03 người
- Vị trí việc làm Nhân viên Phục vụ: 0 người

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp.

- CBQL: Tổng số: 03 đồng chí, trong đó: Tốt: 02 đồng chí; Khá: 01 đồng chí
- Giáo viên: Tổng số 40 giáo viên, trong đó Tốt: 18/40 đồng chí đạt 45%; Khá: 22/40 đồng chí đạt 55 %

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, CBQL và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định:

- Số lượng CBQL hoàn thành bồi dưỡng: 3/3 đồng chí đạt 100%
- Số lượng GV hoàn thành bồi dưỡng: 40/40 đồng chí đạt 100%
- Số lượng nhân viên hoàn thành bồi dưỡng: 3/3 đồng chí đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích đất toàn trường: 12.363,8 m². Trong đó
- + Trung tâm: 4.742,4 m²
- + Huỗi Cơ Đạo: 1.622,1 m²
- + Sín Chải: 1.122,6 m²

- + Sam Lang 1: 1.360,8 m²
- + Sam Lang 3: 1.475,4m²
- + Lai Khoang: 905,6m²
- + Huồi Hoi 1: 726,5m²
- + Huồi Hoi 2: 200m²
- + Nhà Hý 1: 1.422,5m²
- + Nhà Hý 2: 408,4m²

- Diện tích bình quân tối thiểu/ trẻ: 25,3m². So với yêu cầu quy định tối thiểu (8m²/trẻ): Đảm bảo

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

* Khối phòng hành chính quản trị:

- Phòng hiệu trưởng: 01, Phòng Phó hiệu trưởng: 02, Văn phòng trường: 01, phòng dành cho nhân viên: 01, phòng bảo vệ: 01, khu vệ sinh giáo viên: 01, khu để xe: 01

* Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em:

- Tổng số phòng học: 21 phòng, trong đó: Kiên cố 19/21 phòng, tỷ lệ 90,5%;
- Phòng ngủ: 06 phòng
- Tổng số công trình vệ sinh: 26 công trình đảm bảo tiêu chuẩn.
- Hệ thống chiếu sáng: Các lớp học có đủ ánh sáng cho trẻ học tập.
- Phòng giáo dục thể chất: 01 phòng; phòng giáo dục nghệ thuật: 01 phòng
- Tổng số sân chơi là 08, sân chơi có đủ đồ chơi theo quy định là 8/8 sân.
- Thư viện: 01 nhà, đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định.

* Khối phòng tổ chức ăn:

- Tổng số nhà bếp: 08 nhà (bán kiên cố: 06).
- Kho bếp: 01 kho (kiên cố)

* Khối phụ trợ:

- Phòng họp: 01 phòng (kiên cố) là nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp.

- Phòng y tế: 01 phòng, đảm bảo các thiết bị thiết yếu cho việc sơ cứu, cấp cứu. Có tủ thuốc và các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.

- Nhà kho: 01 nhà (kiên cố)
- Sân vườn: 08 sân

- Cổng, hàng rào: Có 08 cổng đặt tại các điểm trường, hàng rào 01 điểm trường được xây tường bao quanh; 07 điểm trường rào bằng thép B40 đảm bảo an toàn, chắc chắn.

*** Hạ tầng kỹ thuật**

- Hệ thống nước sạch: Tổng số công trình nước sạch: 08 (gồm 04 nguồn nước giếng khoan, 04 nguồn nước tự nhiên đảm bảo cho sinh hoạt hằng ngày)

- Hệ thống cấp điện: Có 8/8 điểm trường có điện lưới Quốc gia, 3/8 điểm trường sử dụng hệ thống Internet vệ tinh.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: Có 08/08 điểm trường có bình chữa cháy, tổng số bình chữa cháy: 30

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: Tại trung tâm có hệ thống Internet, có kết nối mạng phục vụ các hoạt động tại trường. Tại các điểm trường có mạng 3G, 4G...đảm bảo thông tin liên lạc.

- Khu gom rác thải: Có 8/8 điểm trường có hố rác, được xử lý hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường.

*** Các hạng mục công trình:**

Các hạng mục công trình được xây kiên cố và bán kiên cố, tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 70%.

- Diện tích xây dựng công trình: Đảm bảo không quá 40%

- Diện tích sân vườn: Đảm bảo không dưới 40%

- Diện tích giao thông nội bộ: Đảm bảo không dưới 20%

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Số bộ thiết bị đồ dùng tối thiểu hiện có: 21 bộ. So với yêu cầu tối thiểu quy định có 02 bộ chưa đầy đủ thiết bị

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Số lượng đồ chơi ngoài trời 60 đồ chơi tại các điểm trường. Các điều kiện chăm sóc giáo dục trẻ khác đảm bảo công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đối với nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

* Nhà trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 977/QĐ-SGDĐT, ngày 30/7/2025 và trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 976/QĐ-SGDĐT, ngày 30/7/2025 của Sở giáo dục và đào tạo.

* Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm. Sau 5 năm, đến tháng 7/2030 đánh giá Kiểm định chất lượng và trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan; *(KH kèm theo)*

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; *(KH kèm theo)*

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội; *(Quy chế kèm theo)*

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em; *(Thực đơn kèm theo)*

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước 2024-2025:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

- Tổng số trẻ: 485 trẻ (Nhà trẻ 105 trẻ, Mẫu giáo 380 trẻ)

- Tổng số nhóm lớp: 20 nhóm, lớp (Nhà trẻ 06 nhóm trẻ; mẫu giáo 14 lớp)

- Tỷ lệ trẻ/ nhóm, lớp: $485/20 = 24,25$ trẻ/nhóm, lớp

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép: 135 trẻ

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 485 trẻ

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 471 trẻ (14 trẻ còn nhỏ, trưa bố mẹ đón về)

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 485 trẻ.

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi:

- Duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2024-2025

g) Số trẻ em khuyết tật: 0 trẻ

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài): Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Nguồn kinh phí theo ngân sách nhà nước giao: 6.522.000.000đ

- Nguồn thu XHH giáo dục:

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

* Tổng ngân sách giao: 6.522.000.000đ. Trong đó

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 5.770.740.850đ

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 489.571.322đ

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): Không

- Chi khác (Chi mua phần mềm, điện, nước, internets, sách báo... 23.949.973đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển:

- Học phí, lệ phí: Không thu

- Dịch vụ vệ sinh: 90.000 đ/trẻ/năm.

- Trồng trọt: 5.000 đ/ngày/trẻ (điểm trung tâm, Huỗi Cơ Đạo), 60k/tháng /trẻ (đối với các điểm bản).

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Chính sách trẻ ăn trưa: MG: 366 trẻ. Nhà trẻ: 106 trẻ

- Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập: 442 trẻ

- Cấp bù học phí: 481 trẻ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

- Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tháng/chủ đề phù hợp; lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp với nhận thức, điều kiện của lớp, trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn và giáo viên các tổ tổ chức tuyên truyền về phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.
- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.
- Phối hợp tổ chức các hoạt động cho trẻ như: Trung thu, ngày hội bánh chưng xanh...và các hoạt động khác.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.
- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường, làm đồ chơi ngoài trời cho con em.
- + Ủng hộ ngày công lao động: 1.000 ngày công (các phụ huynh tại điểm bản và trung tâm)
- + Đoàn từ thiện Câu lạc Vi vùng cao yêu thương ủng hộ: Mũ len: 430 cái, Áo thu đông: 100 cái, Chăn: 9 cái.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn.
- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.
- Chi bộ trường có 26 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

6. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên. Tăng cường trật tự kỷ cương, nề nếp trong trường.
- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.
- Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.
- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.
- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.
- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

Trên đây là báo cáo thường niên 6 tháng đầu năm học 2025-2026 của trường Mầm non Nà Hỳ theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Đăng trên Wetsize;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Tạ Thị Sáu